

Bim Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn;
- Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty ( <http://www.ximangbimson.com.vn> ), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCKT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Xuân Khôi



Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100  
Fax: + 84 24 3831 5090  
ey.com

Building a better  
working world



Số tham chiếu: 60998684/21042723

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 32 trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Công ty đã trình bày lại một số dữ liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 538/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà nước đề ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>712.047.100.852</b>	<b>1.123.971.217.220</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>121.925.374.454</b>	<b>115.659.082.339</b>
111	1. Tiền		121.840.368.754	107.637.031.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		85.005.700	8.022.050.752
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>6</b>	5.000.000.000	5.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>216.371.282.668</b>	<b>205.094.818.301</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>7.1</b>	113.914.116.586	102.512.764.259
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<b>7.2</b>	94.516.283.961	98.505.247.640
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	<b>8</b>	9.876.894.973	6.012.819.254
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<b>7.1</b>	(1.936.012.852)	(1.936.012.852)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>347.310.446.323</b>	<b>770.121.688.250</b>
141	1. Hàng tồn kho		347.440.035.724	772.795.359.043
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(129.589.401)	(2.673.670.793)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.439.997.407</b>	<b>28.095.628.330</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>14</b>	20.938.274.111	25.187.381.210
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.405.523.824
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>16</b>	501.723.296	502.723.296
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.682.894.051.742</b>	<b>3.287.996.719.265</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>4.978.514.180</b>	<b>2.120.349.300</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.978.514.180	2.120.349.300
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.494.667.456.252</b>	<b>2.914.395.305.993</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>10</b>	3.485.484.534.334	2.905.357.239.297
222	Nguyên giá		7.257.730.267.059	6.448.910.347.853
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.772.245.732.725)	(3.543.553.108.556)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>11</b>	9.182.921.918	9.038.066.696
228	Nguyên giá		11.031.594.028	11.127.649.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.848.672.110)	(2.089.582.332)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>63.263.525.986</b>	<b>299.351.032.791</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>12</b>	63.263.525.986	299.351.032.791
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		116.190.198.618	116.190.198.618
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(116.190.198.618)	(116.190.198.618)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>119.984.555.324</b>	<b>72.130.031.181</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>14</b>	103.769.381.929	55.914.857.786
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	<b>9</b>	16.215.173.395	16.215.173.395
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.394.941.152.594</b>	<b>4.411.967.936.485</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.351.933.672.913</b>	<b>2.516.758.196.931</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.347.514.057.151</b>	<b>2.513.084.484.753</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	904.504.547.247	909.866.518.233
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	52.458.262.733	23.107.062.929
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	47.023.841.607	33.628.563.163
314	4. Phải trả người lao động	17	50.634.135.160	44.530.434.518
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	88.044.434.077	17.514.789.209
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	13.449.540.924	17.839.155.073
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.189.521.749.279	1.458.536.777.423
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.877.546.124	8.061.184.205
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.419.615.762</b>	<b>3.673.712.178</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		4.419.615.762	3.673.712.178
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.043.007.479.681</b>	<b>1.895.209.739.554</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>2.043.007.479.681</b>	<b>1.895.209.739.554</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		663.587.929.521	659.994.070.460
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		222.312.409.107	78.108.528.041
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		66.128.997.837	1.665.241.124
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		156.183.411.270	76.443.286.917
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.394.941.152.594</b>	<b>4.411.967.936.485</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc

Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Đức Sơn



Nguyễn Hoàng Văn

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.826.942.370.854	3.680.581.488.336
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	(929.497.718)	(2.075.051.711)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.826.012.873.136	3.678.506.436.625
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.270.748.346.828)	(3.227.776.969.731)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		555.264.526.308	450.729.466.894
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		604.065.610	833.637.470
22	7. Chi phí tài chính	25	(96.313.860.216)	(129.474.545.195)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(96.286.811.807)	(82.954.240.749)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(126.788.308.062)	(124.791.654.653)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(138.135.792.463)	(97.271.819.928)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		194.630.631.177	100.025.084.588
31	11. Thu nhập khác	27	5.070.386.159	9.329.729.067
32	12. Chi phí khác	27	(3.515.363.196)	(12.535.647.566)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	27	1.555.022.963	(3.205.918.499)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		196.185.654.140	96.819.166.089
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(39.834.242.870)	(20.211.146.172)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		156.351.411.269	76.608.019.917

*Ngoc*

Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc

*Đức Sơn*

Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Đức Sơn



Kiểm Giám đốc  
Nguyễn Hoành Văn

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>196.185.654.140</b>	<b>96.819.166.089</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		245.146.126.537	248.341.963.312
03	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.798.177.808)	28.067.178.904
04	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(185.514.870)	(712.125.966)
05	Chi phí lãi vay		(2.434.725.084)	530.878.801
06		25	96.286.811.807	82.954.240.749
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>533.200.174.722</b>	<b>456.001.301.889</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(11.728.105.423)	54.718.282.608
10	Giảm hàng tồn kho		129.863.362.427	111.574.567.623
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		34.690.497.844	(19.297.975.389)
12	Tăng chi phí trả trước		(43.605.417.044)	(42.134.394.277)
14	Tiền lãi vay đã trả		(96.673.474.369)	(81.065.787.396)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.278.703.202)	(11.313.399.429)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.737.309.224)	(17.359.027.741)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>518.731.025.731</b>	<b>451.123.567.888</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(245.875.511.806)	(137.191.219.071)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.043.094.800	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		391.630.284	121.128.700
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(243.440.786.722)</b>	<b>(142.070.090.371)</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TE RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.938.473.341.009	2.851.116.676.134
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.207.488.369.153)	(3.155.725.195.834)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.918.750)	(23.309.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(269.023.946.894)	(304.631.829.200)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.266.292.115	4.421.648.317
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		115.659.082.339	111.237.434.022
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	121.925.374.454	115.659.082.339

Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc

Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Đức Sơn



Người Kiểm soát  
Nguyễn Hoàng Văn

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020





Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100  
Fax: +84 24 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 60998684/21042723

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN



Building a better  
working world

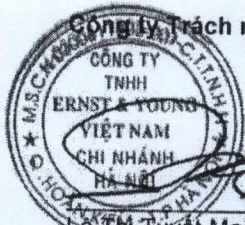
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Công ty đã trình bày lại một số dữ liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Thông báo kết quả kiểm toán số 538/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà nước đề ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

CÔNG TY  
TNHH  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH  
HÀ NỘI

Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>632.428.374.710</b>	<b>1.042.640.659.350</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>122.117.264.588</b>	<b>115.897.378.539</b>
111	1. Tiền		122.032.258.888	107.875.327.787
112	2. Các khoản tương đương tiền		85.005.700	8.022.050.752
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130.307.588.465</b>	<b>117.383.103.775</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	84.240.410.298	72.839.057.971
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	35.517.128.658	39.197.239.349
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.496.136.540	8.292.893.486
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 7.2	(2.946.087.031)	(2.946.087.031)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>353.128.561.284</b>	<b>775.939.803.211</b>
141	1. Hàng tồn kho		353.258.150.685	778.613.474.004
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(129.589.401)	(2.673.670.793)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.874.960.373</b>	<b>28.420.373.825</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	20.938.274.111	25.200.198.710
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		428.946.353	2.711.435.206
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	507.739.909	508.739.909
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.906.502.433.962</b>	<b>3.528.491.446.625</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>4.978.514.180</b>	<b>2.120.349.300</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.978.514.180	2.120.349.300
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.699.534.960.019</b>	<b>3.135.077.386.644</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.690.352.038.101	3.126.039.319.948
222	Nguyên giá		7.571.925.440.365	6.763.105.521.159
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.881.573.402.264)	(3.637.066.201.211)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.182.921.918	9.038.066.696
228	Nguyên giá		11.031.594.028	11.127.649.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.848.672.110)	(2.089.582.332)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>66.866.792.713</b>	<b>301.751.100.054</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		66.866.792.713	301.751.100.054
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>135.122.167.050</b>	<b>89.542.610.627</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	113.356.189.907	66.111.392.360
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	16.215.173.395	16.215.173.395
269	3. Lợi thế thương mại	14	5.550.803.748	7.216.044.872
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.538.930.808.672</b>	<b>4.571.132.105.975</b>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.532.293.189.465</b>	<b>2.679.139.126.453</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.503.333.573.703</b>	<b>2.641.165.414.275</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	940.765.327.468	945.818.562.976
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	52.458.262.733	23.107.062.929
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	47.030.254.947	33.634.976.503
314	4. Phải trả người lao động		50.979.221.620	44.875.562.978
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	129.629.830.570	42.990.683.924
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	24.364.823.596	27.194.045.971
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.256.228.306.645	1.515.483.334.789
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.877.546.124	8.061.184.205
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>28.959.615.762</b>	<b>37.973.712.178</b>
338	1. Vay dài hạn	19	24.540.000.000	34.300.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		4.419.615.762	3.673.712.178
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.006.637.619.207</b>	<b>1.891.992.979.522</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.006.637.619.207</b>	<b>1.891.992.979.522</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		663.587.929.521	659.994.070.460
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		195.563.412.343	77.207.448.357
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		65.227.918.153	(26.481.957.941)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		130.335.494.190	103.689.406.298
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(9.620.863.710)	(2.315.680.348)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.538.990.868.672</b>	<b>4.571.132.105.975</b>

*Nguyễn Thị Ngọc*

Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc

*Nguyễn Đức Sơn*

Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Đức Sơn



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Hoành Vân

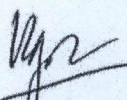
Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.826.942.370.854	3.680.581.488.336
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	(929.497.718)	(2.075.051.711)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.826.012.873.136	3.678.506.436.625
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.270.748.346.828)	(3.227.776.969.731)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		555.264.526.308	450.729.466.894
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		604.316.783	834.668.329
22	7. Chi phí tài chính	25	(111.099.842.584)	(90.026.528.381)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(111.072.794.175)	(89.885.577.984)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(126.788.308.062)	(124.791.654.653)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(142.505.662.802)	(101.131.656.212)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		175.475.029.643	135.614.295.977
31	11. Thu nhập khác	27	8.123.240.159	11.524.324.227
32	12. Chi phí khác	27	(20.565.716.104)	(28.350.124.450)
40	13. Lỗ khác	27	(12.442.475.945)	(16.825.800.223)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		163.032.553.698	118.788.495.754
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(39.834.242.870)	(20.211.146.172)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		123.198.310.828	98.577.349.582
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		130.503.494.190	103.854.139.298
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	(7.305.183.362)	(5.276.789.716)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.186	868
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31		868

  
Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc

  
Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Đức Sơn



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

C.T.C  
 N  
 S  
 N  
 HANH  
 19/1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		163.032.553.698	118.788.495.754
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		262.625.944.545 (1.798.177.808)	265.821.681.320 (18.312.175.145)
03	Hoàn nhập dự phòng			
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(185.514.870)	(712.125.966)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.434.861.567)	529.847.942
06	Chi phí lãi vay	25	111.072.794.175	89.885.577.984
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		532.312.738.173	456.001.301.889
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(13.499.160.717)	54.431.574.711
10	Giảm hàng tồn kho		129.863.362.427	111.832.850.684
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		37.883.102.506	(20.227.595.203)
12	Tăng chi phí trả trước		(42.982.872.948)	(42.147.211.777)
14	Tiền lãi vay đã trả		(96.673.474.369)	(81.065.787.396)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.278.703.202)	(11.313.399.429)
			(14.737.309.224)	(17.359.027.741)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		519.887.682.646	450.152.705.738
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(247.078.711.270)	(137.191.219.071)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.043.094.800	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		391.766.767	122.159.559
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(244.643.849.703)	(142.069.059.512)

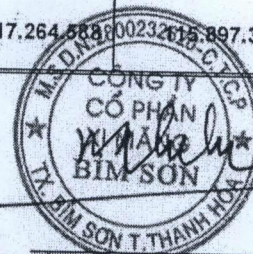
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.938.473.341.009	2.851.116.676.134
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.207.488.369.153)	(3.155.725.195.834)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.918.750)	(23.309.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(269.023.946.894)	(304.631.829.200)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.219.886.049	3.451.817.026
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		115.897.378.539	112.445.561.513
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	122.117.264.588	115.897.378.539

Người lập  
Nguyễn Thị Ngọc

Trưởng phòng tài chính kế toán  
Nguyễn Đức Sơn



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Hoành Vân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Bỉm Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP xi măng Bỉm Sơn đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Chi tiêu	Số tiền
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019</b>	<b>222.312.409.107</b>
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018	66.128.997.837
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	156.351.411.270
3	Khoản giảm trừ (Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty)	168.000.000
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế năm 2019 Công ty có thể phân phối (*)</b>	<b>195.563.412.343</b>
<b>III</b>	<b>Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019</b>	
	<u>Tổng lợi nhuận phân phối</u>	<u>195.563.412.343</u>
1	Cổ tức năm 2019 (12% bằng cổ phiếu)	132.012.064.800
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	27.926.347.543
3	Trích Quỹ khen thưởng	21.375.000.000
4	Trích Quỹ phúc lợi	14.250.000.000
<b>IV</b>	<b>Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối của Công ty</b>	<b>26.748.996.764</b>

Ghi chú: (\*) Năm 2019, Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 195.563.412.343 đồng, thấp hơn Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng Công ty là 222.312.409.107 đồng. Theo quy định tại điều 74, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ...

Như vậy, tổng lợi nhuận sau thuế năm 2019 có thể phân phối của Công ty cổ phần Xi măng Bỉm Sơn là 195.563.412.343 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CỘNG TY  
CỔ PHẦN  
XI MĂNG  
BỈM SƠN  
Lê Xuân Khôi



Bỉm Sơn, ngày tháng năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**V/v phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 1018/NQ-DHĐCD2019 ngày 18/04/2019 của Công ty CP xi măng Bỉm Sơn;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Tổng Giám đốc Công ty báo cáo và trình Hội đồng quản trị Công ty chi tiết phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 như sau:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn
  - Mã chứng khoán : BCC
  - Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
  - Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
  - Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 110.010.054 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 110.010.054 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 13.201.206 cổ phiếu
  - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 132.012.060.000 đồng
  - Tỷ lệ phát hành : 12%
- Tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền 100:12 (Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền và cổ đông có 100 quyền được nhận 12 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)
- Xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ
- Vi dụ:* Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.982 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền 12%, số cổ phiếu cổ đông Nguyễn Văn A nhận được từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu được tính bằng:  $1.982 \times 12\% = 237,84$  cổ



phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông Nguyễn Văn A nhận được là 237 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ do việc làm tròn xuống đến hàng đơn vị (0,84 cổ phiếu) sẽ bị hủy bỏ.

- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu
- Nguồn vốn : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán.
- Mục đích phát hành :
  - Tăng vốn điều lệ theo lộ trình nhằm đảm bảo cơ cấu vốn điều lệ trên tổng tài sản  $\geq 40\%$  theo Đề án tái cơ cấu VICEM giai đoạn 2019-2025 được Bộ xây dựng phê duyệt tại quyết định 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019.
  - Đảm bảo vốn đầu tư cho các dự án của Công ty theo Kế hoạch năm 2020 cụ thể: Dự án kho nguyên liệu; Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện ...
- Thời gian phát hành : Quý IV năm 2020
- Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức : Không hạn chế
- Phương thức phân phối :
  - + Đối với chứng khoán đã lưu ký: Người sở hữu chứng khoán BCC nhận cổ tức tại các Công ty Chứng khoán - Nơi người sở hữu mở tài khoản lưu ký.
  - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán BCC nhận cổ tức tại Phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bim Sơn - Thanh Hóa
- Niêm yết bổ sung : Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức nêu trên sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký Lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị :
  - + Lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu thích hợp khi có sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.
  - + Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để hoàn tất phương án phát hành, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành nêu trên tại VSD và HNX, nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và Công ty.



Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019: Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp theo kết quả của đợt phát hành nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Xuân Khôi



Bỉm Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch thù lao 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn;
- Căn cứ Kết quả Hoạt động kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thù lao năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty và Kế hoạch thù lao năm 2020 như sau:

### 1. Thù lao năm 2019:

Tổng thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị và Thư ký Công ty năm 2019 là 528.000.000 đồng.

### 2. Kế hoạch thù lao năm 2020:

HĐQT Công ty kính trình ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch năm 2020 để chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị và Thư ký Công ty như mức năm 2019. Cụ thể:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao (đồng/người /tháng)	Số tháng/năm	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	8.000.000	12	96.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	6.000.000	12	288.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty	3	4.000.000	12	144.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>528.000.000</b>

Đối với Trưởng ban kiểm soát Công ty chuyên trách: Hưởng lương theo quy chế lương hiện hành của Công ty theo chức danh Trưởng đơn vị loại I.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCKT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Xuân Khôi

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ Tài chính. Về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020.

Để triển khai thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kịp thời, đúng quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Đơn vị kiểm toán được Công ty lựa chọn là đơn vị kiểm toán độc lập, có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán; Chi phí tiền kiểm toán phải hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

Ban Kiểm soát trình ĐHCĐ thường niên năm 2020 giao cho HĐQT Công ty lựa chọn 1 trong 3 đơn vị kiểm toán sau:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (EY);
2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC (AASC).

Theo thông lệ, ĐHCĐ năm 2020 sẽ diễn ra chậm nhất cuối tháng 3. Tuy nhiên do dịch bệnh COVID 19 đến ngày hôm nay mới tổ chức Đại hội.

Sau khi có tờ trình của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông, HĐQT Công ty đã xem xét tờ trình và kiến nghị do thời gian công bố thông tin báo cáo tài chính quý II/2020 (sau kiểm toán) là ngày 20/7/2020. Nên nếu tiến hành các thủ tục lựa chọn 1 trong 3 đơn vị kiểm toán như đã nêu trên sẽ không kịp thời gian. Do vậy, HĐQT Công ty báo cáo đề xuất ĐHCĐ cho phép chọn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (EY) là đơn vị kiểm toán BC tài chính năm 2020 với giá không vượt với giá đã ký kết năm 2019 với EY.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.



Thanh hóa, ngày 26 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên  
Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn;
- Đơn xin từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn đã nhận Thông báo thay đổi người đại diện vốn của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, đồng thời đã nhận được các Đơn từ nhiệm của Ông Lê Xuân Khôi - Chủ tịch HĐQT

Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Lê Xuân Khôi - Chủ tịch HĐQT

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn, số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên HĐQT.

Như vậy, căn cứ các Đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT và cơ cấu thành viên HĐQT đã được thông qua tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, số lượng thành viên HĐQT của Công ty sẽ bị khuyết 01 thành viên.

Theo đó, để đảm bảo cơ cấu tổ chức HĐQT của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn theo đúng quy định, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ về việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Xuân Khôi

**QUY CHẾ**  
**BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này bao gồm những quy định về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

2. Quy chế này áp dụng đối với cổ đông sở hữu cổ phần, đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn chốt danh sách đến ngày 02/6/2020.

**Điều 2. Điều kiện ứng cử, đề cử ứng cử viên HĐQT**

1. Việc ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông/nhóm cổ đông lại với nhau sao cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% trở lên được ứng cử, đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị; cụ thể:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên;
- Từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tất cả các ứng viên.

2. Hồ sơ của ứng cử viên (đối với cổ đông không phải là người đang làm việc tại VICEM hoặc BCC)

- Đơn ứng cử, đề cử ứng cử viên (mẫu kèm theo);
- Sơ yếu lý lịch cá nhân tự khai của ứng cử viên;
- Giấy ủy quyền đại diện cổ phần của cổ đông khác (nếu có);
- Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (bản sao).

### **Điều 3. Phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

#### **1. Phương thức bầu cử**

a) Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu.

Trường hợp chỉ có 01 ứng cử viên, phương thức bầu cử sẽ do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định (theo phương thức biểu quyết hoặc bầu dồn phiếu).

#### **b) Bầu dồn phiếu**

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị;

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

#### **2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

a. Phiếu được in thống nhất có ghi sẵn tên cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần quyền biểu quyết, danh sách các ứng cử viên (theo thứ tự ABC theo tên) và mỗi cổ đông được phát 01 phiếu bầu HĐQT.

b. Cổ đông khi nhận được phiếu bầu phải kiểm tra các thông tin trên phiếu, nếu có sai sót, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu và bầu cử đổi phiếu bầu khác.

c. Cổ đông phải tự ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng viên vào ô trống của ứng viên đó trên phiếu bầu, không bầu cho cổ đông nào thì bỏ trống ô ghi số quyền bầu cử của ứng viên đó.

d. Mỗi cổ đông tham dự có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có số phiếu bầu bằng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng không lớn hơn số phiếu bầu.

#### **3. Những phiếu bầu không hợp lệ và không có giá trị bầu cử**

a. Phiếu không phải do Ban Kiểm phiếu và bầu cử phát hành, không có dấu treo của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn;

b. Phiếu có dấu hiệu tẩy, sửa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi phiếu mới và hủy phiếu cũ);

c. Phiếu bầu có số người được bầu vượt quá số tối đa theo quy định; phiếu có tổng số cổ phần được bỏ phiếu bầu cao hơn tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

d. Phiếu có tên những người ngoài danh sách đề cử, ứng cử đã được Đại hội thông qua;

e. Phiếu bầu quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị.





4. Việc kiểm phiếu phải được thực hiện ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Sau đó, Ban bầu cử và kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu, công bố công khai kết quả kiểm phiếu cho toàn Đại hội.

#### **Điều 4. Nguyên tắc xác định trúng cử**

##### **1. Theo hình thức bầu dồn phiếu**

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì ưu tiên người sở hữu cổ phần của BCC cao hơn; nếu số cổ phần sở hữu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để lựa chọn người có tỷ lệ % bầu cao hơn.

##### **2. Theo hình thức biểu quyết**

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định khi được từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu cử thông qua.

#### **Điều 5. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu**

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này gồm 6 Điều, được đọc công khai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Lê Xuân Khôi**

